

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 214/2023/DS-ST

Ngày: 14-9-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Tín

Ông Nguyễn Văn Thông

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam* tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Thường- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; địa chỉ trụ sở: Đường B, phường S, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh N (theo Giấy ủy quyền ngày 26/12/2022).

Ông Nguyễn Văn S ủy quyền lại cho ông Huỳnh A, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh N (*theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2023*) và ông Phạm T– Chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng TMCP T- Chi nhánh N (*theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2023*); địa chỉ: Lô B, phường T , thành phố K, tỉnh Quảng Nam. Ông Phạm T có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2023 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ông Phạm T trình bày:

Ngày 28/02/2022, bà Trần Thị H có ký với Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh N Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh N đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 356480-2641 cho bà H với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; mục đích: Tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 31,2%/năm (tại thời điểm mở thẻ tín dụng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã sử dụng với tổng số tiền cụ thể như sau:

Tổng số tiền giao dịch: 18.000.000 đồng (1)

Tổng số tiền lãi: 3.764.056 đồng (2)

Tổng số tiền phí: 640.000 đồng (3)

Tổng số tiền đã thanh toán: 7.395.000 đồng (4)

Tổng số tiền khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 14/9/2023: $= \{(1) + (2) + (3) - (4)\}$: 15.009.046 (Mười lăm triệu lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi sáu) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị H đã không hợp tác thanh toán cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 25/01/2023 Ngân hàng TMCP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (tại Điều 23 của của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 14/9/2023, bà Trần Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền 15.009.046 (Mười lăm triệu lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi sáu) đồng, gồm: Nợ gốc: 12.730.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.279.046 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Trần Thị H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Trần Thị H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại Hợp đồng mà các bên đã ký. Do đó, Ngân hàng TMCP A yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà Trần Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

- *Bị đơn bà Trần Thị H:* Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa theo các thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật, bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 94; Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, buộc bị đơn bà Trần Thị H phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2023) là 15.009.046 (*Mười lăm triệu lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi sáu*) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP A khởi kiện về việc yêu cầu bà Trần Thị H phải thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Căn cứ các Điều 26, 35 và 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, hòa giải và các phiên tòa theo các thông báo của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 28/02/2022, bà Trần Thị H có ký với Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh N hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, theo đó Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 356480-2641 cho bà H với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng; mục đích: Tiêu dùng cá nhân; lãi suất: 31,2%/năm. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H không thanh toán cho ngân hàng, nên bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Do đó, ngày 25/01/2023 Ngân hàng TMCP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng TMCP A cung cấp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Do đó, căn cứ Điều 463 và

Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017) Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/9/2023) là 15.009.046 (*Mười lăm triệu lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi sáu*) đồng, gồm: Nợ gốc 12.730.000 đồng, nợ lãi quá hạn 2.279.046 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn bà Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Buộc bà Trần Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 15.009.046 đồng (*Mười lăm triệu lẻ chín nghìn không trăm bốn mươi sáu* đồng), gồm: Nợ gốc 12.730.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14-9-2023) là 2.279.046 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị H phải chịu 750.452 đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn bốn trăm năm mươi hai* đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 348.000 (*Ba trăm bốn mươi tám* nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010250 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14-9-2023); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Chi cục THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Vân